

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN AN DƯƠNG
THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 02/2022/DS-ST
Ngày 11-3-2022
V/v tranh chấp hợp đồng tín dụng

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN AN DƯƠNG THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Liên

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Vũ Văn Thi

Ông Đỗ Văn Thư

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hằng - Thư ký Toà án huyện An Dương, thành phố Hải Phòng.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện An Dương, thành phố Hải Phòng tham gia phiên tòa: Ông Lại Văn Quyền - Kiểm sát viên.

Ngày 11 tháng 3 năm 2022, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện An Dương, thành phố Hải Phòng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 57/2021/TLST-DS ngày 11 tháng 12 năm 2021 về việc: "Tranh chấp hợp đồng tín dụng" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 35/2021/QĐXXST-DS ngày 07 tháng 12 năm 2021, Thông báo về việc thay đổi thời gian tiếp tục phiên tòa số 02/TB-TA ngày 17 tháng 02 năm 2022 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ngân hàng N; địa chỉ: Số 2 L, phường T, quận B, Thành phố Hà Nội.

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn: Ông Ngô Quốc L – Phó Giám đốc Ngân hàng N Chi nhánh huyện A là người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn (Giấy ủy quyền số 392/UQ-NNN0.AD-TH ngày 28 tháng 6 năm 2021); có mặt.

- Bị đơn: Chị Đặng Mai H sinh năm 1982, trú tại thôn H, xã H, huyện A, thành phố Hải Phòng; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện, quá trình tố tụng và tại phiên tòa, nguyên đơn là Ngân hàng N (viết tắt là Ngân hàng) do ông **Ngô Quốc Lợi** là người đại diện theo ủy quyền trình bày:

Ngày 19 tháng 9 năm 2016 Ngân hàng và chị Đặng Mai H ký Hợp đồng tín dụng số 2102-LAV-201601093 (viết tắt là Hợp đồng tín dụng) với nội dung: Ngân hàng cho chị H vay số tiền 360.000.000 đồng; mục đích để mua thiết bị nội thất; lãi suất là **9%/năm**; thời hạn vay là 60 tháng kể từ ngày giải ngân; trả gốc 03 tháng/kỳ, trả lãi hàng tháng theo số dư vào ngày 15 hàng tháng; số tiền trên vay không có tài sản bảo đảm. Thực hiện hợp đồng, ngày 19 tháng 9 năm 2016 Ngân hàng đã giải ngân cho chị H vay số tiền trên nhưng chị H đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ và khoản vay chuyển nợ quá hạn từ ngày 15 tháng 11 năm 2018. Tính đến ngày 30 tháng 7 năm 2021 chị H đã trả Ngân hàng số tiền 216.393.261 đồng, trong đó nợ gốc đã trả là 156.755.886 đồng và lãi đã trả là 59.637.375 đồng, ngày cuối cùng chị H trả nợ cho Ngân hàng là ngày 30 tháng 7 năm 2021 với số tiền là 204.244.114 đồng. Sau khi khoản nợ quá hạn Ngân hàng đã nhiều lần đôn đốc chị H trả nợ nhưng chị H không thực hiện. Chị H nguyên là nhân viên của Ngân hàng nhưng đã đơn phương chấm dứt hợp đồng lao động trái pháp luật từ ngày 16 tháng 10 năm 2018 và thời điểm khoản vay chuyển nợ quá hạn chị H gặp khó khăn về tài chính, Ngân hàng cũng đã tạo điều kiện cho chị H về thời gian để trả nợ nhưng chị H không thực hiện. Từ cuối năm 2018 cho đến nay Ngân hàng không làm việc được với chị H mà chỉ thông qua mẹ để chị H là bà Phạm Ánh Hồng để đôn đốc trả nợ vì chị H vắng mặt tại địa phương. Thời điểm chị H đề nghị vay số tiền trên, Ngân hàng biết chị H và chồng là anh Khúc Thành Q đã sống ly thân, chị H và các con ở nhà mẹ đẻ là bà Phạm Ánh H, khoản vay trên chị H vay với tư cách cá nhân tín chấp bằng tiền lương tại Ngân hàng nên không cần thủ tục xác nhận của chồng khi làm thủ tục vay, do vậy Ngân hàng không yêu cầu ông Q phải ký vào hợp đồng tín dụng hay bất kỳ thỏa thuận trả nợ nào liên quan đến khoản vay này. Sau khi chị H được giải ngân số tiền 360.000.000 đồng, Ngân hàng cũng đã kiểm tra việc sử dụng vốn vay và qua việc kiểm tra ngày 10/10/2016 cho thấy chị H đã sử dụng số tiền vay đúng mục đích là mua sắm nội thất để sử dụng tại nhà mẹ đẻ là bà Phạm Ánh Hồng. Do đây là khoản vay cá nhân của chị H, chị H là người ký Hợp đồng tín dụng với Ngân hàng, sử dụng số tiền vay và cam kết trả nợ cho Ngân hàng tại thời điểm được giải ngân cũng như trong quá trình thực hiện hợp đồng nên Ngân hàng chỉ khởi kiện yêu cầu chị H trả nợ chứ không yêu cầu anh Q chịu trách nhiệm trả nợ cùng chị H.

Nay Ngân hàng khởi kiện yêu cầu chị Đặng Mai H trả số tiền còn nợ theo Hợp đồng tín dụng tính đến ngày 11 tháng 3 năm 2022 là 272.513.650 đồng, trong đó nợ gốc 203.244.114 đồng, lãi trong hạn 63.439.392 đồng, lãi quá hạn 5.830.144 đồng và chị H phải tiếp tục trả lãi phát sinh theo lãi suất trong Hợp đồng tín dụng kể từ ngày 12 tháng 3 năm 2022 cho đến khi trả xong nợ.

Quá trình giải quyết vụ án, chị H không có quan điểm đối với yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng mặc dù đã được Tòa án tổng đạt các văn bản tố tụng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện An Dương phát biểu ý kiến:

- Về tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa

đã cơ bản thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Tuy nhiên, khoản vay của chị H tại Ngân hàng được ký trong thời kỳ chị H và anh Khúc Thành Q còn tồn tại quan hệ hôn nhân nên Kiểm sát viên đề nghị triệu tập anh Khúc Thành Q tham gia tố tụng trong vụ án với tư cách là người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan nhưng Tòa án không thực hiện là vi phạm thủ tục tố tụng. Nguyên đơn chấp hành đúng quy định tố tụng, còn bị đơn không chấp hành các quy định tại các điều 70, 72 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về nội dung: Do chị H vắng mặt tại địa phương chưa lấy được lời khai của chị H; chị H và anh Q đã ly hôn năm 2018 nhưng khoản vay mà Ngân hàng đang khởi kiện chị H lại được chị H vay trong thời kỳ hôn nhân và mục đích vay là để mua sắm nội thất, Tòa án không đưa anh Q tham gia tố tụng trong vụ án với tư cách là người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan và không triệu tập anh Q đến phiên tòa nên Kiểm sát viên không có quan điểm về việc giải quyết vụ án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án: Tranh chấp giữa Ngân hàng và bị đơn chị Đặng Mai H là tranh chấp hợp đồng tín dụng ký kết với mục đích tiêu dùng cá nhân và bị đơn chị Đặng Mai H có nơi đăng ký hộ khẩu thường trú tại thôn H, xã H, huyện An Dương, thành phố Hải Phòng nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện An Dương, thành phố Hải Phòng theo quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về việc vắng mặt của bị đơn: Quá trình tố tụng và tại phiên tòa, bị đơn chị Đặng Mai H vắng mặt không có lý do. Qua xác minh, chị H hiện không có mặt tại địa phương, không xác định được địa chỉ mới của chị H, Tòa án đã tiến hành đầy đủ thủ tục niêm yết các văn bản tố tụng theo quy định pháp luật. Như vậy, việc chị H thay đổi nơi cư trú và không thông báo cho người khởi kiện biết về nơi cư trú mới được coi là chị H cố tình giấu địa chỉ, nhằm trốn tránh nghĩa vụ đối với người khởi kiện. Do vậy, căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 2 Điều 6 Nghị quyết số 04/2017/NQ-HĐTP ngày 05 tháng 5 năm 2017, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt đối với bị đơn chị Đặng Mai H.

[3] Về việc tham gia tố tụng của anh Khúc Thành Q: Chị Đặng Mai H và anh Khúc Thành Q đã ly hôn tại Quyết định công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự số 59/2018/QĐST-HNGĐ ngày 18 tháng 4 năm 2018 do Tòa án nhân dân huyện An Dương giải quyết. Xét, Hợp đồng tín dụng thể hiện chị H là người ký vay số tiền 360.000.000 đồng với Ngân hàng; anh Q, mẹ đẻ chị H là bà Phạm Ánh Hồng đều cung cấp Hợp đồng tín dụng nêu trên chị H ký và thực hiện trong thời gian chị H và anh Q sống ly thân; số tiền vay chị H dùng vào việc mua sắm nội thất để sử dụng tại nhà bà Hồng trong thời gian ly thân với anh Q; quá trình giải quyết ly hôn tại Tòa án chị H và anh Q đều có quan điểm xác định vợ chồng không có tài sản chung; khi ký Hợp đồng tín dụng và quá trình trả nợ chị H đều cam kết tự mình thực hiện nghĩa vụ trả nợ; nguyên đơn chỉ yêu cầu chị H trả

nợ nên việc thực hiện Hợp đồng tín dụng thuộc trách nhiệm cá nhân của chị H, do vậy không cần thiết phải đưa anh Khúc Thành Q tham gia tố tụng trong vụ án với tư cách là người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan như quan điểm của Kiểm sát viên.

[4] Về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn: Hợp đồng tín dụng đã ký giữa Ngân hàng và chị Đặng Mai H đã được hai bên thống nhất thỏa thuận, ký kết bởi những người có đủ thẩm quyền, hình thức, nội dung hợp đồng không vi phạm các điều cấm, không trái pháp luật, đạo đức xã hội. Do vậy, hợp đồng là hợp pháp, là căn cứ pháp lý để các bên thực hiện. Quá trình thực hiện hợp đồng, Ngân hàng đã thực hiện đúng nghĩa vụ là giải ngân cho chị H vay số tiền là 360.000.000 đồng, chị H đã nhận đủ số tiền vay và đã trả Ngân hàng tổng số tiền là 216.393.261 đồng. Do chị H vi phạm nghĩa vụ trả nợ, khoản vay của chị H tại Hợp đồng tín dụng đã quá hạn từ ngày 15 tháng 11 năm 2018 nên Ngân hàng đã khởi kiện yêu cầu chị H thực hiện nghĩa vụ trả nợ là có căn cứ chấp nhận theo quy định tại các điều 463 và 466 của Bộ luật Dân sự.

[5] Xét yêu cầu của nguyên đơn đối với khoản nợ gốc: Căn cứ vào Hợp đồng tín dụng ngày 19 tháng 9 năm 2016, căn cứ lời khai của nguyên đơn và các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án có đủ căn cứ xác định: Số tiền nợ gốc Ngân hàng đã giải ngân cho chị Đặng Mai H vay từ Hợp đồng tín dụng là 360.000.000 đồng, tính đến ngày 30 tháng 7 năm 2021 chị H đã trả Ngân hàng số tiền 216.393.261 đồng, trong đó nợ gốc là 156.755.886 đồng và lãi trong hạn là 59.637.375 đồng. Như vậy, tổng số tiền nợ gốc chị H phải trả cho Ngân hàng từ Hợp đồng tín dụng trên là 203.244.114 đồng và lãi phát sinh. Vì vậy, yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng yêu cầu chị H phải trả khoản tiền nợ gốc của Hợp đồng tín dụng là 203.244.114 đồng là có căn cứ chấp nhận.

[6] Đối với khoản tiền lãi:

[6.1] Theo thỏa thuận trong Hợp đồng tín dụng lãi suất trong hạn là 9%/năm và lãi suất quá hạn bằng 150% lãi suất trong hạn. Khoản vay của chị H chuyển nợ quá hạn từ ngày 15 tháng 11 năm 2018. Do chị Đặng Mai H vi phạm nghĩa vụ trả nợ nên đã phát sinh lãi trong hạn, lãi quá hạn nên Ngân hàng khởi kiện yêu cầu chị H trả các khoản lãi này là có căn cứ chấp nhận. Căn cứ Bảng kê tính lãi phải trả do Ngân hàng cung cấp thì tính đến ngày 11 tháng 3 năm 2022 chị Đặng Mai H còn nợ Ngân hàng số tiền là 272.513.650 đồng, trong đó nợ gốc 203.244.114 đồng, lãi trong hạn 63.439.392 và lãi quá hạn 5.830.144 đồng.

[6.2] Kể từ ngày 12 tháng 3 năm 2022 chị Đặng Mai H còn phải tiếp tục trả lãi phát sinh theo mức lãi suất do các bên thỏa thuận trong Hợp đồng tín dụng cho đến khi trả xong nợ. Trường hợp trong hợp đồng tín dụng, các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng cho vay thì lãi suất mà khách hàng vay phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng cho vay theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng cho vay.

[7] Về án phí: Chị Đặng Mai H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm đối với yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng được Tòa án chấp nhận. Nguyên đơn không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm, trả lại cho Ngân hàng số tiền tạm ứng án phí đã nộp.

[8] Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 2 Điều 6 Nghị quyết số 04/2017/NQ-HĐTP ngày 5 tháng 5 năm 2017; các điều 116, 117, 280, 463, 465, 466 của Bộ luật Dân sự; khoản 14 Điều 4, các điều 90, 91, 95, 98 của Luật các tổ chức tín dụng; **Điều 6, khoản 2 Điều 26 Nghị** quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 10 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng N đối với chị Đặng Mai H. Buộc chị Đặng Mai H phải trả cho Ngân hàng N số tiền theo Hợp đồng tín dụng số 2102-LVA-201601093 ngày 19 tháng 9 năm 2016 tính đến ngày 11 tháng 3 năm 2022 là 272.513.650 đồng (Hai trăm bảy mươi hai triệu năm trăm mười ba nghìn sáu trăm năm mươi đồng), trong đó nợ gốc là 203.244.114 đồng, lãi trong hạn là 63.439.392 và lãi qua hạn là 5.830.144 đồng.

Kể từ ngày 12 tháng 3 năm 2022 chị Đặng Mai H còn phải tiếp tục trả lãi phát sinh theo mức lãi suất do các bên thỏa thuận tại Hợp đồng tín dụng cho đến khi trả xong nợ. Trường hợp trong Hợp đồng tín dụng, các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng cho vay thì lãi suất mà khách hàng vay phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng cho vay theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng cho vay.

2. Về án phí: Chị Đặng Mai H phải chịu 13.625.000 đồng (Mười ba triệu sáu trăm hai mươi lăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm để nộp ngân sách Nhà nước. Trả lại cho Ngân hàng N số tiền 6.517.000 đồng (Sáu triệu năm trăm mười bảy nghìn đồng) tạm ứng án phí đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện An Dương theo Biên lai số 0003978 ngày 15 tháng 10 năm 2021.

Nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trong trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Đương sự;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

- VKSND huyện An Dương;
- Chi cục Thi hành án dân sự An Dương;
- TAND thành phố Hải Phòng;
- Lưu: VT; hồ sơ vụ án.

Nguyễn Thị Liên